

CON ĐƯỜNG NHẬN THỨC TIÊN NGHIỆM THÔNG QUA QUY GIẢM HIỆN TƯỢNG HỌC ĐẾN Ý THỨC THUẦN TÚY

★ TSKH ĐẶNG HUY TRINH

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

● **Tóm tắt:** *Hiện tượng học Husserl là một trào lưu triết học phát triển rất mạnh trong thế kỷ 20. Gắn với trào lưu triết học này là phương thức tìm kiếm chân lý được gọi là Phương thức hiện tượng học. Theo Edmund Husserl, đây là một phương thức, một cách thức hình dung triết học mới, theo đó triết học không chỉ đóng vai trò đơn thuần là thế giới quan mà còn đóng vai trò là một khoa học lý tính thực sự nghiêm túc.*

● **Từ khóa:** *E.Husserl, hiện tượng học, quy giảm, phương thức, nhận thức.*

Các tác phẩm triết học cơ bản của thời đại chúng ta xét theo một nghĩa nào đó phần lớn là các tác phẩm hiện tượng học. Những tác phẩm quan trọng của E.Husserl về hiện tượng học như: *Những ý tưởng về Hiện tượng học thuần túy và Triết học hiện tượng học* (1913), *Trăm tư Descartes* (1931), *Sự khủng hoảng của khoa học Châu Âu và Hiện tượng học tiên nghiệm* (1936) cùng với tác phẩm của M.Heidegger: *Tồn tại và thời gian* (1927) và của J.P.Sartre: *Tồn tại và hư vô* (1943). Các tác phẩm triết học này có sức cuốn hút và sự hấp dẫn mạnh mẽ, ẩn chứa chính trong phương thức nhận thức và tìm kiếm chân lý hết sức độc đáo: phương thức hiện tượng học.

1. Con đường nhận thức tiên nghiệm

Phương pháp hiện tượng học không đồng nhất với các phương pháp của khoa học tự nhiên hiện đại mà nó trước hết là một phương

pháp triết học, một phương pháp nhận thức tìm kiếm tri thức và chân lý. Nhận thức luận trong hiện tượng học chú trọng nhiều đến nghiên cứu khả năng của nhận thức, phương thức nhận thức. Nhận thức được hiểu như những hình thức trí năng của con người gắn liền với chủ thể. Đây là phương thức dùng để tiếp cận và nhận biết cái bên ngoài chủ thể hay chính bản thân chủ thể cũng như các quá trình tư duy ý thức gắn liền với nó; điều này thể hiện rõ trong các bước khác nhau của phương pháp hiện tượng học. Phương pháp hiện tượng học với tính cách là một phương pháp khái quát nhận thức tìm kiếm tri thức được E.Husserl trình bày cụ thể, có hệ thống trong nhiều tác phẩm nghiên cứu cũng như trong các bài giảng triết học của ông từ các tác phẩm đầu tay như *Nghiên cứu logic* (*Logische Untersuchungen*), *Những ý tưởng hiện tượng học* (*Die Idee der Phaenomenologie*) cho

tới những tác phẩm công bố cuối đời như *Khủng hoảng*¹.

Nổi bật lên trong những quan niệm nhận thức hiện tượng học là quan niệm của E.Husserl về tri thức chân thực (Wahre Erkenntnisse). Tri thức thật sự, chân lý thật sự về sự vật trong mọi trường hợp đều chỉ có thể đạt được thông qua sự nhận biết, cảm nhận, suy tư của chủ thể. Trong mọi tri thức vì thế đều có yếu tố chủ quan, cái đạt được thông qua chủ thể. Trong các tình huống và sự thay đổi môi trường trải nghiệm khác nhau liên quan đến chủ thể và quá trình nhận thức của chủ thể, tính đúng đắn của chân lý và tri thức phải được bảo toàn. Chân lý và tri thức trong quan niệm của triết học hiện tượng học vì thế cần phải mang tính bền vững và “tính khách quan”. Đây là một đòi hỏi nhận thức mà chúng ta không dễ gì đạt tới, bởi phương tiện của chúng ta để đạt tới cái khách quan ở đây là quá trình nhận thức thế giới, mà quá trình này bao giờ cũng thông qua cái chủ quan gắn liền với chủ thể, vì thế không bao giờ có cái khách quan hay là tính khách quan tuyệt đối mà chỉ có tính khách quan tương đối, tính khách quan được đặt trong ngoặc kép. Trong cái khách quan chúng ta nắm bắt được luôn hiện diện các yếu tố của cái chủ quan. Trong những tri thức chúng ta nhận biết được bao giờ cũng chứa đựng những ý tưởng, những suy tư của cái tôi với tính cách là một chủ thể trải nghiệm. Tính khách quan của tri thức đòi hỏi tri thức đó phải độc lập và có giá trị như nhau trong những tình huống trải nghiệm khác nhau của chủ thể. Giữa yêu cầu về tính khách quan của tri thức trong nhận thức thế giới và tính chủ quan của cái tôi tư duy trong quá trình nhận thức luôn luôn nảy sinh mâu thuẫn, một mâu thuẫn nhận thức. Giải quyết mâu thuẫn này để đạt tới tri thức chân thực về sự vật trong một chừng mực nào đó là nhiệm vụ

của hiện tượng học. Đứng trước một sự vật nào đó chúng ta chỉ có thể có hai phán đoán hoặc là khách quan phù hợp với bản chất sự vật hoặc là như ta muốn hình dung ra về sự vật (tưởng tượng, ảo tưởng). Mặt khác, một sự vật chỉ có thể mang lại cho chúng ta trong dạng tồn tại nguyên mẫu của nó (Originaere Gegebensein), thông qua kinh nghiệm, sự trải nghiệm cá nhân và tư duy. Một sự vật chỉ có thể xuất hiện trước chúng ta với tính cách là cái có thể quan sát, trải nghiệm và có thể tư duy được về nó. Chính vì thế trong sự xuất hiện nguyên mẫu của chủ thể, trong tính nguyên mẫu gốc của nó luôn luôn tồn tại một mối quan hệ tương đối chủ - khách thể. Những tri thức khách quan về sự vật trong một chừng mực nào đó luôn có quan hệ mật thiết với những tình huống trải nghiệm tri thức của chủ thể. Hơn nữa, sự phụ thuộc vào yếu tố chủ quan tương đối của những cái khách quan được nhận biết không chỉ là một thuộc tính của một cái tôi chủ quan đơn lẻ nào mà nó là một thuộc tính gắn liền với sự vật trong dạng nguyên mẫu của nó không phụ thuộc một chủ thể cụ thể nào. Từ thực tế này, xuất hiện lại vấn đề cơ bản của Hiện tượng học hay nói chính xác hơn là vấn đề cơ bản của nhận thức luận Hiện tượng học: Làm thế nào để xác định được dạng tồn tại nguyên mẫu của sự vật, dạng tồn tại nguyên mẫu mà trong đó chúng ta có thể nắm bắt được bản chất khách quan của sự vật đồng thời tiếp cận tới phương thức tồn tại liên chủ thể của nó. Trong cùng một sự vật xuất hiện đồng thời hai mặt của một mối quan hệ tương hỗ tích hợp mà không thể hoàn toàn tách rời chúng khỏi nhau. Một mặt, sự vật đó là nó như nó vốn được đưa ra trong thế giới - cái được gọi là “Noema”. Mặt khác, sự vật được xem như là một tổng thể phức hợp của cái được trải nghiệm, cái được nhận biết, cái được mang lại trong kinh nghiệm và sự

cảm nhận chủ thể - cái “Noesis”. Ở đây, luôn luôn có một mối quan hệ kép giữa tồn tại khách quan của sự vật và phương thức diễn đạt tồn tại nguyên mẫu của chủ thể. Vấn đề cơ bản của Hiện tượng học được quy giản thành vấn đề phân tích và nhận biết thế giới thông qua phương thức mà thế giới tự nó theo một cách thức liên quan tới chủ thể đưa ra trước chủ thể. Thực ra, tính nguyên mẫu của thế giới cũng như mối quan hệ lưỡng cực của nó là những thuộc tính tiên nghiệm thuộc về bản thân thế giới. Chủ thể không có năng lực làm thay đổi những thuộc tính tiên nghiệm này nhưng chủ thể có năng lực nhận biết thế giới trong tính tiên nghiệm từ phương thức hiện diện nguyên mẫu của nó. Triết học theo ý nghĩa hiện tượng học là khoa học phân tích cơ bản làm xuất hiện tính nguyên mẫu của thế giới trong những phương thức hiện diện của nó trước chủ thể. Sự xuất hiện của thế giới cảm giác của chủ thể thường không đầy đủ, không rõ ràng so với nguyên mẫu của nó. Từ đó xuất hiện nhu cầu làm rõ tính nguyên mẫu của sự vật trong trạng thái rõ ràng, minh bạch của nó. Đòi hỏi về tính hiển nhiên rõ ràng của sự vật trong những dạng thức tiên nghiệm được đưa ra là một đòi hỏi nền tảng căn bản của nhận thức luận hiện tượng học.

2. Quy giản hiện tượng học

Triết học hiện tượng học là một khoa học nỗ lực đưa sự vật đến chỗ làm bộc lộ bản chất rõ ràng của nó từ cấp độ này đến cấp độ khác. Từ nhu cầu này, vấn đề của nhận thức luận hiện tượng học được rút ngắn lại trong vấn đề của quy giản hiện tượng học. Một sự vật được nhận thức như thế nào phụ thuộc vào các bước quy giản hiện tượng học làm bộc lộ rõ bản chất của nó đến đâu. Quy giản hiện tượng học vì thế là một nấc thang trong tiến trình nhận thức hiện tượng học.

Phương pháp hiện tượng học vì thế có cái cốt lõi là sự quy giản, phê phán để quy giản, quy giản để làm bộc lộ bản chất của sự vật là logic nội tại trong hiện tượng học Husserl. “Phương pháp hiện tượng học của sự phê phán nhận thức là hiện tượng học của học thuyết bản chất chung, trong đó khoa học về bản chất của nhận thức được sắp đặt”²². Quá trình nhận thức, theo E.Husserl, phải đối mặt với ba vấn đề lớn:

Thứ nhất, xác định đối tượng của quá trình nhận thức. Đây là đối tượng độc lập với ý thức, tồn tại tự nó hay bản thân đối tượng cũng thuộc về ý thức, nhận thức đôi khi không phải là nhận thức sự vật khách quan ở bên ngoài thế giới, mà nhận thức là nhận thức ngay chính đối tượng ý thức trong chủ thể. Tồn tại ý thức khi đó lại mang tính khách quan và trở thành đối tượng nhận thức.

Thứ hai, làm cách nào, bằng con đường nào mà ý thức thực sự đạt tới được và nhận biết bản chất của đối tượng nhận thức. Sự mô tả của nhận thức về đối tượng có thực sự phù hợp với dạng tồn tại vốn có của đối tượng hay không.

Thứ ba, chủ thể của quá trình nhận thức cuối cùng đạt được gì từ quá trình nhận thức đối tượng, nắm bắt được gì về bản chất dạng tồn tại cũng như phương thức tồn tại của đối tượng.

Khi giải quyết các vấn đề này, E.Husserl đưa ra phương pháp quy giản hiện tượng học. Theo E.Husserl, quy giản là một khoa học về bản chất sự vật, là lý thuyết nhận thức với nguyên lý chính là sự quy giản (Reduktion). Sự quy giản này áp dụng cho mọi loại hình của nhận thức. Mục đích của phép quy giản là làm bộc lộ bản chất của sự vật, làm bộc lộ loại hình và phương thức tồn tại của tồn tại sự vật. Phương pháp này có ba giai đoạn hay còn được gọi là ba nấc thang của sự quan sát và nhận biết hiện tượng học.

Giai đoạn thứ nhất, là giai đoạn quy giản

hiện tượng học. Nhận thức xác định đối tượng của mình với tính cách là một quá trình nhận thức. Nếu đặt chính quá trình nhận thức làm đối tượng thì như vậy mỗi nhận thức xuất phát đều không còn cơ sở nữa. Chúng ta vấp phải một khó khăn mang tính tiên đề của quá trình nhận thức nhưng đó là một thứ khó khăn có thể giải quyết được về mặt phương pháp luận. “Trong mọi trường hợp nếu lý thuyết nhận thức muốn hướng đến khả năng nhận thức nó cần phải có những nhận thức về khả năng nhận thức, những nhận thức không thể gây sự ngờ vực. Lúc bắt đầu chúng ta không được phép chấp nhận nhận thức với tính cách là nhận thức, nếu không thì chúng ta đã không có bên cạnh một khả năng nào cả, hoặc là chúng ta đã có cái mà bản thân nó là mục đích”³.

Theo E.Husserl, quá trình nhận thức tự bản thân nó không bị phủ định mặc dù có các khó khăn liên quan đến tất cả các kiểu loại nhận thức. Giống như toán học được xây dựng từ những tiên đề nền tảng, lý luận nhận thức cũng cần phải có những tiên đề nhận thức làm cơ sở, nhận thức theo nghĩa mạnh nhất, những nhận thức có một giá trị chân lý không thể nghi ngờ được. Nếu rơi vào một trạng thái hỗn độn của những quá trình nhận thức khác nhau thì, chúng ta cần những nhận thức mang tính tiên đề, những nhận thức có giá trị không thể nghi ngờ này để đối chiếu so sánh và định hướng. Vấn đề ở đây là làm sao xác định được những mệnh đề nhận thức cơ sở mang tính chân thực này.

E.Husserl bắt đầu sự nghiên cứu này từ mệnh đề mang tính hoài nghi luận của R.Descartes: “Tôi tư duy, vậy tôi tồn tại”. Cái “tôi tồn tại” ở đây rõ ràng là tồn tại trước quá trình tư duy, song nó dường như lại là kết quả của quá trình tư duy ấy. Cái “Tôi tồn tại” là cái tôi hiện tượng học - cái được hiểu là những dữ kiện tuyệt đối

đầu tiên, những dữ kiện mà quá trình nhận thức sau này không thể nghi ngờ, bởi nếu không có cái “tôi tồn tại” thì đã không thể có quá trình nhận thức của chủ thể. Bản thân quá trình nắm bắt cái “tôi tồn tại” bằng các giác quan đã là một nhận thức không thể nghi ngờ. Như vậy, chúng ta đã có một tiên đề nhận thức được coi như không thể nghi ngờ, có giá trị tuyệt đối. Trong những trường hợp hoàn toàn tương tự của nhận thức, con người cần phải tìm ra những cơ sở để xác định cái gì là đáng hoài nghi. Trở lại với R.Descartes, E.Husserl đặt câu hỏi tại sao cái “tôi tư duy” lại có thể đạt tới sự tồn tại trong chính quá trình nhận thức. Ở đây rõ ràng có một sự nghi ngờ. Và E.Husserl đã đưa chúng ta tới câu hỏi tại sao trong trường hợp cái “tôi tồn tại” thì thoát khỏi sự nghi ngờ này lại không xuất hiện? Giải quyết vấn đề này, E.Husserl đưa ra khái niệm cặp đôi: nội tại và tiên nghiệm (Immanenz und Transzendenz). Nội tại và tiên nghiệm tồn tại và diễn ra trước cả quá trình cân nhắc và phê phán nhận thức của chủ thể. “Nội tại ở đây là nội tại hiện thực trong sự trải nghiệm nhận thức”⁴, là cái ở trong tôi. Tiên nghiệm là cái có trước kinh nghiệm, cái ở ngoài tôi. Nhận thức bằng các giác quan trực tiếp là nhận thức cảm nhận nội tại. Nhận thức bằng các khoa học (khoa học tự nhiên, triết học, toán học...) là nhận thức tiên nghiệm. “Tất cả các tri thức tự nhiên, những tri thức tiền khoa học, tri thức khoa học chính xác đầu tiên là những đối tượng tiên nghiệm của nhận thức”⁵.

Nhận thức nội tại là những nhận thức được E.Husserl coi như tự nó đã rõ ràng. Còn nhận thức tiên nghiệm là những nhận thức ở bên ngoài chúng ta, những nhận thức có giá trị tiên nghiệm (Apriori) trước mọi kinh nghiệm và trải nghiệm chủ thể. Chúng ta có những điều hoài nghi về nhận thức này. Vấn đề ở đây là làm sao

loại bỏ, thanh lọc được những sự hoài nghi này. E.Husserl viết: “Chúng ta không thể hiểu làm thế nào có thể đạt tới chân lý tiên nghiệm, nhưng chúng ta hiểu làm thế nào có thể gặp được chân lý nội tại, trong hình dáng của sự phân tư và chân lý nội tại thuần túy, cái hình dáng đã quy giản”⁶.

Phân tích sâu hơn nữa, có thể thấy bản thân cái gọi là nội tại cũng không hoàn toàn thuần khiết. E.Husserl chia nó thành hai cấp độ là nội tại thuần túy và nội tại trong cảm giác của cái rõ ràng. Nội tại thuần túy (reelle Immanent) được hiểu là nội tại đích thực, là sự hiện diện đích thực trong sự xác thực. Nội tại trong cảm giác của cái rõ ràng (Immanent im Sinne der Evidenz) được hiểu là một sự hiện diện đích thực khác so với sự hiện diện ban đầu. Sự hiện diện này cũng ở trong tôi nhưng nó không phải là sự hiện diện gốc. Và với sự đích thực khác này, thì người ta vẫn có quyền đặt những nghi vấn ngờ vực. Mặc dù những nghi vấn này là hết sức mờ nhạt, song nó vẫn đặt đối tượng nhận thức ra khỏi tầm nhìn xác thực của chúng ta.

Nhiệm vụ của nhận thức cuối cùng được quy vào việc loại bỏ tất cả những sự nghi ngờ cả mờ nhạt lẫn không mờ nhạt. Nó đưa nhận thức tới chỗ loại bỏ tất cả mọi cái được coi là đáng ngờ vực. Nói cách khác, đưa tới quá trình quy giản hiện tượng học. Quy giản hiện tượng học là để tránh cho nhận thức những sai lầm ảo tưởng, làm sáng tỏ những khả năng thực sự của nhận thức. Quá trình phê phán nhận thức đã tìm được lối thoát và người ta bắt đầu tìm kiếm những giải pháp cho chúng.

Giai đoạn thứ hai là giai đoạn nhận thức được nâng lên những trình độ mới của suy tư hiện tượng học. Giai đoạn này được gọi là giai đoạn quy giản bản chất. Khi quá trình nhận thức mang lại cho chúng ta những nhận thức tuyệt đối

thông qua các giác quan, thì khi đó, nó cũng ý thức được sự chật hẹp của những nhận thức tuyệt đối này. Làm thế nào để nhận thức của chúng ta tiếp cận được cái tiên nghiệm? Khả năng hiện thực của sự tiếp cận này là như thế nào? Cơ sở khoa học của sự tồn tại tiên nghiệm là gì? Tất cả những vấn đề này, theo E.Husserl, vẫn là những câu đố bí ẩn đối với quá trình nhận thức. Những nhận thức tuyệt đối dường như không đủ để thoả mãn những nhu cầu về tri thức của chúng ta. Quá trình nhận thức có một công cụ có thể giúp chúng ta thoả mãn những nhu cầu về tri thức. Công cụ đó là sự trừu tượng hóa và sự ý tưởng hóa hiện thực. Trừu tượng hóa mang lại cho chúng ta những tính chất chung, những bản chất đặc biệt và bằng cách đó đem lại cho chúng ta một sự rõ ràng trực giác về bản chất của nhận thức. Tri thức rõ ràng và đích thực sẽ được đảm bảo bởi một sự hiện diện tuyệt đối xác thực thông qua một quá trình thanh lọc. Những trạng thái sự vật làm bộc lộ bản chất khách quan của nó sẽ được mang lại cho con người trong nhận thức trực giác thuần túy. Như vậy, khái niệm quy giản hiện tượng học được xác định một cách chính xác hơn, sâu sắc hơn và mang một ý nghĩa rõ ràng hơn. Đó chính là quá trình quy giản bản chất, một quá trình đặc biệt, một phương pháp triết học đặc biệt.

“Tiến trình quan sát trong phạm vi của một sự quy giản hiện tượng học nghiêm túc là sự độc đáo hiếm có, nó là một phương pháp triết học đặc biệt với điều kiện phương pháp này có bản chất là sự hướng tới ý thức của sự phê phán nhận thức và thực sự thuộc về mọi sự phê phán lý tính”⁷.

Quy giản bản chất không chỉ được hiểu là sự loại trừ cái tiên nghiệm theo nghĩa kinh nghiệm, tâm lý, mà nó là sự loại trừ cái tiên nghiệm với tính cách là tất cả những tồn tại bên ngoài bản

chất sự vật - những tồn tại được hiểu theo nghĩa không phải là những dữ kiện của nhận thức trực giác thuần túy. Với những dữ kiện của trực giác thuần túy này, nhận thức có được một sự rõ ràng tuyệt đối. Trong sự khác biệt với cái rõ ràng này, tất cả các khái niệm mang tính khách quan về cái tôi, về thế giới, về Chúa, về khoa học đều trở thành những khái niệm chứa đựng mâu thuẫn và sự hoài nghi. Tuy nhiên, chúng vẫn có những giá trị riêng và cơ sở của các giá trị đó nằm trong mối tương quan với những dữ kiện tuyệt đối. Ở đây, rõ ràng là có một sự tập trung của ý thức hướng tới đối tượng. Ý thức đã tìm được những cơ sở xác thực tuyệt đối cho quá trình nắm bắt bản chất của đối tượng. Sự trải nghiệm nhận thức chứa đựng trong bản chất nội tại của nó một *tính hướng đích (intentio)*. Sự trải nghiệm nhận thức này, tính hướng đích này là một quá trình vận động nhận thức trong dòng ý thức. “Hiện tượng nhận thức đơn lẻ đến và vượt qua trong dòng ý thức không phải là khách thể của một sự xác minh hiện tượng học”⁸.

Con đường của nhận thức hướng tới chỗ trả lời cho câu hỏi ở đâu và bằng cách nào tính xác thực bản chất của đối tượng được thể hiện. Bản chất ở đây được hiểu theo nghĩa hiện tượng học, tức là cái chứa đựng những thực tại bị che giấu, cái bản chất cơ sở, bản chất phổ biến tồn tại dưới dạng những quy định chung ở bên trong sự vật, quy định sự vật nó là nó chứ không phải là sự vật khác. Bản chất được hiểu là những dữ kiện bộc lộ ra trong quá trình ý thức tiếp xúc với sự vật. Sau khi loại bỏ những phần phi bản chất, hiện tượng trở thành hiện tượng thuần túy, hiện tượng trở thành cái chứa đựng những bản thể tồn tại tinh lọc nhất (Dasein). Còn ý thức khi đó trở thành ý thức thuần túy về một hiện tượng chân chính, không thể nghi ngờ, hiển nhiên, tuyệt đối rõ ràng và chân xác.

Như vậy, có thể thấy ý thức thuần túy đã được xác lập thông qua một quá trình mang tính trực giác. E.Husserl gọi quá trình này là trực giác tiên nghiệm. Với trực giác tiên nghiệm, các phương pháp duy lý của khoa học dường như hoàn toàn bất lực. Trực giác tiên nghiệm là cái chứa đựng các “logos khách quan” có khả năng đưa đối tượng nhận thức về trạng thái hiện tượng thuần túy và nắm bắt bản chất của đối tượng nhận thức. Còn bản chất đặc trưng cho đối tượng nhận thức trong mọi thời điểm, chứa đựng những thuộc tính tinh lọc và phổ biến của đối tượng. Quy giản bản chất mang lại cho đối tượng tính ổn định, đưa chúng ra khỏi trạng thái thay đổi, bất định và làm bộc lộ bản chất của đối tượng nhận thức. “Cái tự nó của một hiện tượng được quy giản, về thực chất, là một cái tuyệt đối và không có sự ngờ vực”⁹.

Giai đoạn thứ ba của phương pháp hiện tượng học là giai đoạn nhận thức xác định những phạm vi và giới hạn của mình trong mối quan hệ giữa hiện tượng nhận thức và đối tượng nhận thức. Sự hiện diện đích thực của nhận thức mở rộng đến đâu? Nó có bị giới hạn bởi những năng lực của cái tôi nhận thức - chủ thể (cogitatio) không? Ở những nơi không có sự hiện diện của chủ thể thì tính rõ ràng tuyệt đối của đối tượng nhận thức có xuất hiện không? Những câu hỏi đó trở thành những câu hỏi mang tính nội tại của bản thân quá trình nhận thức và nó chỉ được giải quyết thông qua sự phân tích mối quan hệ giữa hiện tượng nhận thức và đối tượng nhận thức.

3. Quy giản hiện tượng học và ý thức

Mục tiêu của nhận thức là nhằm nắm được bản chất xác thực của đối tượng nhận thức. Muốn thế, trước hết người ta thực hiện sự suy tư hiện tượng học và hướng các giác quan vào đối tượng nhận thức khiến cho những nội dung

hiện thực của nó bộc lộ ra. Tiếp đó, cần thực hiện một bước nữa để làm xuất hiện nội dung cô đọng, nội dung bản chất của đối tượng, tức là thực hiện các bước quy giản hiện tượng học, quy giản bản chất. Công việc cuối cùng của nhận thức chỉ là tiếp nhận và ghi nhớ cái xuất hiện sau những bước quy giản đó. Cái xuất hiện sau cùng ở đây chính là ý thức thuần túy, ý thức đã được thanh lọc và tinh giản, phản ánh về bản chất của đối tượng trong một cấp độ rõ ràng tương đối nhất. Tuy nhiên không nên hiểu rằng thông qua sự quy giản hiện tượng học ý thức đơn thuần bị làm nghèo đi trong trạng thái trần trụi, thô thiển nhất của nó. Khái niệm quy giản hiện tượng học ở E.Husserl được hiểu là một sự quy giản trong đó loại bỏ những sự xuất hiện không đúng và sai lệch về bản chất đối tượng đồng thời bổ sung và làm xuất hiện những thuộc tính bản chất của đối tượng, những thuộc tính đã bị che lấp đi bằng nhiều hình thức do nhiều lý do khác nhau. Như vậy, quy giản

không có nghĩa là làm giản lược đi những gì thuộc về đối tượng nhận thức, mà quy giản còn có nghĩa là làm xuất hiện dưới dạng đầy đủ nhất những thuộc tính tồn tại vốn có thuộc về bản chất của đối tượng, những thuộc tính vốn bị che lấp đi bởi những sự nhầm lẫn của ý thức. Ý thức thuần túy vì thế không phải là dạng hiển thị nghèo nàn nhất về đối tượng nhận thức mà nó là dạng hiển thị đầy đủ nhất đúng đắn nhất rõ ràng nhất về đối tượng nhận thức mà chủ thể nhận thức trong những điều kiện nhận thức tương quan của nó có thể đạt tới. Hiểu theo nghĩa đó, ý thức không chỉ là ý thức được thanh lọc, rọi sáng trong thế giới mà ý thức còn là nơi mà thế giới xuất hiện như nó vốn có đối với chủ thể¹⁰. Suy cho cùng thì chúng ta nhận biết thế giới như thế nào là do nó xuất hiện trong ý thức chúng ta như thế ấy. Toàn bộ thế giới khách quan được quy giản vào trong ý thức đó cũng là một cách thể hiện rất đặc trưng của phép quy giản hiện tượng học Husserl ❖

^{1, 13} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 5, tr.273-274, 274.

^{2, 7} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.34-35, 112.

^{3, 9, 14, 18} Ban Chấp hành Trung ương: *Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới*, Hà Nội, 2018, tr.1, 2-3, 2, 4.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr.91.

^{5, 6} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2022, tr.157-158, 158, 235, 235-236, 236.

^{8, 12, 15, 16, 17} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập II, tr.230, 236.

¹⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 11, tr.94.

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.28.